

Bảo hộ các đổi mới liên quan đến công nghệ trí tuệ nhân tạo thông qua pháp luật sở hữu trí tuệ của Liên minh Châu Âu và gợi mở cho Việt Nam¹

Trương Thị Thu Trang^(*)

Đặng Trần Thanh Ngọc^(**)

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi sâu sắc hoạt động đổi mới sáng tạo và khai thác tri thức trên phạm vi toàn cầu, khi các hệ thống trí tuệ nhân tạo ngày càng tham gia trực tiếp vào quá trình sáng tạo và phát minh. Thực tiễn này đặt ra những thách thức căn bản đối với pháp luật sở hữu trí tuệ vốn được xây dựng trên nền tảng chủ thể sáng tạo là con người. Bằng phương pháp thu thập tài liệu, phân tích, tổng hợp và luật học so sánh, bài viết phân tích cách thức Liên minh Châu Âu bảo hộ các đổi mới liên quan đến trí tuệ nhân tạo thông qua pháp luật sở hữu trí tuệ, từ đó gợi mở một số định hướng để Việt Nam có thể tham khảo hoàn thiện pháp luật nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm cân bằng lợi ích trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế tri thức.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, Pháp luật Sở hữu trí tuệ, Pháp luật sáng chế, Liên minh Châu Âu

Abstract: The rapid development of artificial intelligence is profoundly transforming innovation activities and knowledge exploitation globally, as AI system increasingly participate directly in creative and inventive processes. This reality poses fundamental challenges to intellectual property law, which has traditionally been constructed on the premise that human beings are the subjects of creativity. Using the methods of literature review, analysis, synthesis, and comparative legal research, this article examines how the European Union protects artificial intelligence-related innovations through its intellectual property law framework, thereby offering several directions for the further development of Viet Nam's intellectual property law with a view to promoting innovation while ensuring a balanced alignment of interests in the context of digital transformation and the knowledge-based economy.

Keywords: Artificial Intelligence, Intellectual Property Law, Patent Law, European Union

Ngày nhận bài: 10/3/2026; Ngày gửi phản biện: 17/3/2026; Ngày phản hồi: 20/3/2026; Ngày duyệt đăng: 14/4/2026

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Pháp luật sở hữu trí tuệ về công nghệ trí tuệ nhân tạo (trí tuệ nhân tạo) ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” (2025-2026), do TS. Trương Thị Thu Trang chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học xã hội chủ trì.

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: truongthutrangissi@yahoo.com

^(**) TS., Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng; Email: leantdt4@yahoo.com.vn

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo (AI) đã trở thành động lực cốt lõi thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội trên toàn cầu. Theo báo cáo của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO, 2019), số lượng đơn đăng ký sáng chế liên quan đến trí tuệ nhân tạo tăng gấp nhiều lần trong thập kỷ qua, với hơn 300.000 đơn được nộp từ những năm 1950, trong đó phần lớn tập trung vào giai đoạn từ năm 2013 trở lại đây. Trí tuệ nhân tạo không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới, từ phần mềm học máy, mô hình ngôn ngữ lớn (như ChatGPT, DALL-E...) đến các ứng dụng y tế, sản xuất và sáng tạo nghệ thuật. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng này đặt ra những thách thức lớn đối với pháp luật sở hữu trí tuệ - hệ thống pháp luật truyền thống được xây dựng dựa trên nguyên tắc coi con người là chủ thể duy nhất của quyền tác giả và quyền sáng chế. Trong bối cảnh đó, Liên minh Châu Âu (EU) nổi lên như một trong những khu vực đi đầu trong việc điều chỉnh và bảo hộ các đổi mới liên quan đến trí tuệ nhân tạo thông qua sự kết hợp giữa pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành và các công cụ điều tiết mới.

Bằng phương pháp thu thập tài liệu, phân tích, tổng hợp và luật học so sánh, bài viết nghiên cứu kinh nghiệm của EU trong việc bảo hộ các đổi mới liên quan đến công nghệ trí tuệ nhân tạo dưới góc độ pháp luật sở hữu trí tuệ, làm rõ các vấn đề pháp lý cốt lõi liên quan đến bảo hộ theo pháp luật sáng chế và pháp luật quyền tác giả. Từ kinh nghiệm của EU, bài viết đưa ra một số gợi mở cho Việt Nam trong bối cảnh Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2025

đã bắt đầu ghi nhận và điều chỉnh các vấn đề liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Các gợi mở này nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý sở hữu trí tuệ của Việt Nam theo hướng vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo dựa trên trí tuệ nhân tạo, vừa bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa chủ thể quyền, nhà phát triển công nghệ và lợi ích công cộng trong kỷ nguyên số.

2. Khái niệm trí tuệ nhân tạo

Trí tuệ nhân tạo là một khái niệm đa chiều, được tiếp cận và định nghĩa khác nhau tùy theo bối cảnh khoa học máy tính, triết học, kinh tế và pháp luật. Sự đa dạng trong cách hiểu về trí tuệ nhân tạo phản ánh đặc trưng của công nghệ này: vừa mang tính kỹ thuật cao, vừa tác động sâu rộng đến các quan hệ xã hội và pháp lý.

Theo cách tiếp cận kinh điển trong khoa học máy tính, McCarthy (1956) định nghĩa trí tuệ nhân tạo là *“khoa học và kỹ thuật tạo ra các cỗ máy thông minh”*. Định nghĩa này nhấn mạnh mục tiêu cốt lõi của trí tuệ nhân tạo là mô phỏng hoặc tái tạo các năng lực trí tuệ vốn được xem là đặc trưng của con người, như học tập, suy luận và ra quyết định.

Ở góc độ hiện đại hơn, Russell và Norvig (2021) cho rằng trí tuệ nhân tạo là lĩnh vực nghiên cứu các hệ thống có khả năng *nhận thức môi trường xung quanh và thực hiện các hành động nhằm tối đa hóa khả năng đạt được mục tiêu đã đặt ra*. Cách tiếp cận này nhấn mạnh trí tuệ nhân tạo như một hệ thống tác nhân, có khả năng tự chủ nhất định trong việc xử lý thông tin và hành động, thay vì chỉ là một tập hợp các thuật toán tĩnh.

Từ góc nhìn chính sách và pháp lý, Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của EU định nghĩa, trí tuệ nhân tạo là *“một hệ thống dựa trên máy tính được thiết kế để vận hành với các mức*

độ tự chủ khác nhau và có thể hiển thị khả năng thích ứng sau khi triển khai; vì các mục tiêu rõ ràng hoặc ngầm định, hệ thống này dự đoán, đưa ra các khuyến nghị hoặc quyết định có ảnh hưởng đến môi trường thực hoặc ảo” (European Union, 2024). Định nghĩa này tập trung vào chức năng và tác động của trí tuệ nhân tạo, thay vì tranh luận về việc liệu trí tuệ nhân tạo có “trí tuệ” theo nghĩa triết học hay không. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới định nghĩa trí tuệ nhân tạo là “*các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí thông minh của con người, bao gồm học hỏi từ kinh nghiệm, nhận diện mẫu, hiểu và xử lý ngôn ngữ tự nhiên và giải quyết vấn đề*” (WIPO, 2019).

Trong phạm vi nghiên cứu này, dưới góc độ pháp luật sở hữu trí tuệ, *trí tuệ nhân tạo được hiểu là hệ thống kỹ thuật do con người tạo ra, có khả năng tự động xử lý dữ liệu và tạo ra đầu ra mang tính sáng tạo hoặc kỹ thuật, trên cơ sở các mục tiêu và khuôn khổ do con người thiết lập*. Cách hiểu này cho phép duy trì nguyên tắc lấy con người làm trung tâm của pháp luật sở hữu trí tuệ, đồng thời vẫn phản ánh đúng mức độ tự chủ và ảnh hưởng ngày càng lớn của trí tuệ nhân tạo đối với hoạt động đổi mới sáng tạo trong xã hội hiện đại.

3. Khung pháp luật sở hữu trí tuệ của Liên minh Châu Âu trong bảo hộ đổi mới công nghệ trí tuệ nhân tạo

3.1. Bảo hộ các đổi mới liên quan đến trí tuệ nhân tạo theo pháp luật quyền tác giả của EU

Pháp luật quyền tác giả của EU được xây dựng trên nền tảng các điều ước quốc tế quan trọng như Công ước Berne và Hiệp ước WIPO về quyền tác giả, theo đó quyền tác giả phát sinh tự động đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật khi chúng được

thể hiện dưới hình thức cụ thể và mang tính nguyên gốc của tác giả, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký. Quyền này bao gồm cả quyền tài sản và quyền nhân thân, với thời hạn bảo hộ được xác lập là 70 năm sau khi tác giả cuối cùng qua đời, phù hợp với pháp luật EU hiện hành.

Đối với các sản phẩm liên quan đến trí tuệ nhân tạo, EU duy trì cách tiếp cận truyền thống khi chỉ bảo hộ những tác phẩm phản ánh dấu ấn sáng tạo của con người và không thừa nhận trí tuệ nhân tạo là chủ thể quyền tác giả. Quan điểm này được củng cố bởi án lệ của Tòa án Công lý EU, theo đó tính nguyên gốc chỉ được thừa nhận khi tác phẩm là kết quả của các lựa chọn tự do và sáng tạo của con người. Do đó, các ý tưởng, phương pháp hay thuật toán trừu tượng - vốn là những thành tố cốt lõi của công nghệ trí tuệ nhân tạo - không thuộc phạm vi bảo hộ, trong khi các chương trình máy tính triển khai trí tuệ nhân tạo có thể được bảo hộ nếu đáp ứng yêu cầu về tính nguyên gốc (Court of Justice of the European Union, 2011).

Một vấn đề pháp lý trung tâm là sự phân biệt giữa tác phẩm do trí tuệ nhân tạo hỗ trợ và tác phẩm do trí tuệ nhân tạo tự động tạo ra. Theo quan điểm của EU và các nghiên cứu học thuật, quyền tác giả chỉ phát sinh khi có sự can thiệp sáng tạo đáng kể của con người. Trong các trường hợp trí tuệ nhân tạo chỉ đóng vai trò công cụ hỗ trợ quá trình sáng tạo - chẳng hạn như gợi ý, xử lý hoặc tạo phương án để con người lựa chọn - thì con người vẫn được coi là tác giả nếu dấu ấn cá nhân của họ có thể được nhận diện trong tác phẩm cuối cùng. Ngược lại, đối với các sản phẩm được tạo ra hoàn toàn tự động bởi trí tuệ nhân tạo, khi không thể xác định được bất kỳ lựa chọn tự do và sáng tạo nào của con người, pháp luật

quyền tác giả EU nhìn chung không thừa nhận bảo hộ. Lập trường này phù hợp với quan điểm nhất quán rằng trí tuệ nhân tạo không có ý chí, ý thức hay nhân cách pháp lý để gắn với quyền nhân thân của tác giả (Vanherpe, 2025).

3.2. Tư cách tác giả của trí tuệ nhân tạo dưới góc độ pháp luật EU

Một trong những vấn đề pháp lý cốt lõi trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo tham gia ngày càng sâu vào quá trình sáng tạo là liệu hệ thống trí tuệ nhân tạo có thể được thừa nhận tư cách tác giả theo pháp luật quyền tác giả hay không. Vấn đề này liên quan trực tiếp đến giới hạn năng lực sáng tạo thực tế của trí tuệ nhân tạo và tính phù hợp của khái niệm “tác giả”, vốn được xây dựng trên cơ sở lấy con người làm trung tâm. Trên thực tiễn, nhiều hệ thống trí tuệ nhân tạo đã được sử dụng để tạo ra các sản phẩm văn học, nghệ thuật và âm nhạc có chất lượng cao. Tuy nhiên, trong phần lớn trường hợp, quá trình này vẫn gắn liền với sự can thiệp đáng kể của con người, từ thiết kế thuật toán, huấn luyện hệ thống, cung cấp dữ liệu đầu vào, cho đến việc lựa chọn, chỉnh sửa và quyết định công bố sản phẩm cuối cùng. Nếu những hoạt động sáng tạo này do con người trực tiếp thực hiện, thì các sản phẩm tương ứng rõ ràng có thể được bảo hộ quyền tác giả theo pháp luật EU (European Commission, 2020).

Về tư cách tác giả, pháp luật quyền tác giả của EU duy trì nhất quán quan điểm rằng tác giả phải là con người. Một tác phẩm chỉ được bảo hộ nếu nó là “sự sáng tạo trí tuệ riêng của tác giả, phản ánh dấu ấn cá nhân thông qua các lựa chọn tự do và sáng tạo. Cách tiếp cận này mang tính nhân bản rõ rệt, coi sáng tạo là biểu hiện của nhân cách con người. Điều này

cũng lý giải vì sao các chế định cốt lõi của quyền tác giả EU - như việc xác lập chủ thể quyền ban đầu, thời hạn bảo hộ gắn với vòng đời con người hay hệ thống quyền nhân thân - đều không để ngỏ khả năng thừa nhận một chủ thể phi nhân loại là tác giả (Vanherpe, 2025). Trong trường hợp không thể xác định được sự can thiệp sáng tạo đủ mức của con người, hoặc khi trí tuệ nhân tạo vận hành với mức độ tự chủ vượt quá vai trò công cụ, quyền tác giả sẽ không phát sinh. Quan điểm này cũng được Ủy ban Châu Âu và giới học giả châu Âu khẳng định trong nhiều nghiên cứu chính sách, khi cho rằng các sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra một cách hoàn toàn tự động không đáp ứng yêu cầu về tính nguyên gốc theo nghĩa pháp lý của EU (European Parliament, 2019).

Tuy nhiên, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đã làm xuất hiện một phổ rộng các tình huống trung gian, từ các hệ thống trí tuệ nhân tạo đơn thuần hỗ trợ sáng tạo của con người cho đến các hệ thống có khả năng tạo ra đầu ra phức tạp với mức độ tự chủ cao. Trong các trường hợp trí tuệ nhân tạo chỉ đóng vai trò hỗ trợ hoặc thực thi các tham số do con người thiết lập, quyền tác giả vẫn nên được xác lập cho con người đứng sau hệ thống (Vanherpe, 2025). Ngược lại, đối với các kịch bản giả định nơi trí tuệ nhân tạo tạo ra tác phẩm mà không có lựa chọn sáng tạo đáng kể nào của con người, việc mở rộng khái niệm tác giả cho trí tuệ nhân tạo vẫn gặp phải nhiều phản đối về mặt lý luận và chính sách.

Một số quan điểm cho rằng việc thừa nhận tư cách tác giả của trí tuệ nhân tạo có thể thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phù hợp với logic kinh tế - công lợi của quyền tác giả (Abbott, 2016). Tuy nhiên, lập luận này chưa được chứng minh bằng các bằng

chứng kinh tế thuyết phục. Quyền tác giả được thiết kế nhằm tạo động lực cho con người sáng tạo, trong khi trí tuệ nhân tạo không có ý thức để phản ứng với các cơ chế khuyến khích pháp lý. Việc công nhận trí tuệ nhân tạo là tác giả do đó tiềm ẩn nguy cơ làm suy yếu những nguyên tắc nền tảng của hệ thống quyền tác giả và làm gia tăng sự “bão hòa” của các sản phẩm do thuật toán tạo ra, từ đó ảnh hưởng đến không gian sáng tạo của con người (Bently và cộng sự, 2022).

Trước những rủi ro đó, một hướng tiếp cận thận trọng hơn được nhiều học giả châu Âu đề xuất là không công nhận trí tuệ nhân tạo là tác giả, nhưng có thể xem xét thiết lập một cơ chế bảo hộ đặc thù hoặc quyền liên quan đối với các sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra, nhằm bảo vệ các khoản đầu tư đáng kể vào công nghệ mà không phá vỡ cấu trúc truyền thống của pháp luật quyền tác giả (Vanherpe, 2025).

3.3. Bảo hộ các đổi mới liên quan đến trí tuệ nhân tạo theo pháp luật sáng chế của EU

Pháp luật sáng chế của EU được thiết kế nhằm khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và phát triển thông qua việc trao cho chủ bằng sáng chế quyền khai thác độc quyền có thời hạn đối với các giải pháp kỹ thuật. Quyền này cho phép ngăn cản bên thứ ba sử dụng sáng chế trong thời hạn 20 năm kể từ ngày nộp đơn, với điều kiện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ duy trì theo Công ước Sáng chế châu Âu. Tuy nhiên, cơ chế độc quyền này được đặt trong những giới hạn nhất định, bao gồm các ngoại lệ cho mục đích nghiên cứu, thử nghiệm hoặc sử dụng phi thương mại, qua đó phản ánh sự cân bằng lợi ích giữa việc bảo vệ nhà sáng chế và việc thúc đẩy phổ biến tri thức kỹ thuật vì lợi ích chung.

Đối với công nghệ trí tuệ nhân tạo, cơ chế bảo hộ sáng chế của EU vẫn giữ nguyên các nguyên tắc nền tảng, song việc áp dụng đặt ra nhiều vấn đề mới liên quan đến tính kỹ thuật, tính sáng tạo và yêu cầu minh bạch của hệ thống trí tuệ nhân tạo. Theo Công ước Sáng chế châu Âu, các thuật toán và phương pháp toán học thuần túy không thuộc phạm vi bảo hộ (European Commission, 2020). Tuy nhiên, thực tiễn thẩm định của Văn phòng Sáng chế châu Âu cho thấy cách tiếp cận linh hoạt, theo đó các ứng dụng trí tuệ nhân tạo có thể được bảo hộ nếu tạo ra hiệu ứng kỹ thuật vượt ra ngoài việc xử lý trên máy tính và góp phần giải quyết một vấn đề kỹ thuật cụ thể. Điều này phản ánh lập trường không bảo hộ trí tuệ nhân tạo như một ý tưởng trừu tượng, mà bảo hộ các ứng dụng kỹ thuật cụ thể của trí tuệ nhân tạo.

Về nội dung, các sáng chế liên quan đến trí tuệ nhân tạo vẫn phải đáp ứng ba điều kiện cơ bản là tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Trong đó, yếu tố sáng tạo chỉ được xem xét trên cơ sở các đặc điểm kỹ thuật của giải pháp, còn bản thân trí tuệ nhân tạo không tự động tạo ra trình độ sáng tạo nếu không gắn với một giải pháp kỹ thuật cụ thể. Bên cạnh đó, yêu cầu công bố sáng chế đặt ra thách thức nhất định do tính khó giải trình của nhiều hệ thống trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các mô hình học sâu. Tuy vậy, trên thực tiễn, việc công bố cấu trúc, tham số và nguyên lý vận hành cơ bản thường được coi là đủ để đáp ứng yêu cầu pháp lý, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển của các hệ thống trí tuệ nhân tạo có khả năng giải thích. Việc duy trì cách tiếp cận cân bằng này giúp bảo đảm chức năng lan tỏa tri thức của hệ thống sáng chế, đồng thời hạn chế xu hướng chuyển dịch sang bảo hộ bằng bí mật kinh doanh.

Nhìn chung, việc đánh giá khả năng được cấp bằng sáng chế đối với các đổi mới liên quan đến trí tuệ nhân tạo vẫn tiềm ẩn nhiều bất định do tính phức tạp kỹ thuật và cách tiếp cận linh hoạt trong thẩm định của Văn phòng Sáng chế châu Âu. Tuy vậy, những khó khăn này không làm giảm động lực nộp đơn, thể hiện qua sự gia tăng liên tục của các đơn sáng chế liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Năm 2024, Văn phòng Sáng chế châu Âu ghi nhận 199.264 đơn đăng ký sáng chế, trong đó công nghệ máy tính - bao gồm các lĩnh vực như học máy và nhận dạng mẫu - lần đầu tiên trở thành lĩnh vực dẫn đầu về số lượng với 16.815 đơn (European Patent Office, 2025). Thực tiễn này cho thấy, bất chấp các tranh luận pháp lý, hệ thống sáng chế vẫn được các chủ thể đổi mới coi là cơ chế bảo hộ trọng yếu đối với các ứng dụng kỹ thuật của trí tuệ nhân tạo.

3.4. Tư cách nhà sáng chế của trí tuệ nhân tạo

Một tranh luận lớn trong pháp luật sáng chế hiện nay là liệu trí tuệ nhân tạo có thể được công nhận là nhà sáng chế hay không. Từ năm 2018, Stephen Thaler, với tư cách là người phát triển hệ thống DABUS, đã nộp nhiều đơn đăng ký sáng chế tại các cơ quan sáng chế và tòa án ở châu Âu và một số quốc gia khác, trong đó chỉ định DABUS là nhà sáng chế và yêu cầu công nhận ông có quyền với tư cách người kế thừa. Đây được coi là phép thử đối với khuôn khổ pháp luật sáng chế hiện hành.

Theo Công ước Sáng chế của EU, “quyền được cấp bằng sáng chế châu Âu thuộc về nhà phát minh hoặc người kế vị của nhà phát minh” (European Patent Organisation, 2019). Quy định này hàm ý người phát minh phải là cá nhân, là người có khả năng nắm giữ quyền sở hữu. Nhà

sáng chế được coi là chủ sở hữu ban đầu của sáng chế, trừ trường hợp sáng chế phát sinh trong quan hệ lao động, khi quyền có thể thuộc về người sử dụng lao động. Do trí tuệ nhân tạo không có tư cách pháp lý và không thể được xem là người lao động theo nghĩa pháp luật, việc công nhận trí tuệ nhân tạo là nhà sáng chế không phù hợp với cấu trúc hiện hành của pháp luật sáng chế.

So với quyền tác giả, pháp luật sáng chế có thể ít nhấn mạnh trực tiếp đến yếu tố con người trong tư cách nhà sáng chế, song việc thừa nhận trí tuệ nhân tạo là nhà sáng chế sẽ làm suy giảm ý nghĩa của nhiều quy định cơ bản. Đồng thời, một lập luận quan trọng khác là quyền được ghi nhận tư cách nhà sáng chế, vốn mang bản chất nhân thân và gắn liền với việc khuyến khích hoạt động đổi mới. Việc mở rộng khái niệm này cho các hệ thống trí tuệ nhân tạo sẽ làm mất đi ý nghĩa thực tiễn của cơ chế ghi nhận và khuyến khích đó (Shemtov, 2019). Vì vậy, quan điểm hệ thống trí tuệ nhân tạo không phải là con người nên không có tư cách nhà sáng chế đã được khẳng định nhất quán trong các vụ việc liên quan đến DABUS tại Cơ quan Sáng chế châu Âu, cũng như tại các tòa án tối cao của Vương quốc Anh và Đức.

3.5. Quy định về quyền sở hữu đối với sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra theo pháp luật của EU

Theo pháp luật sở hữu trí tuệ của EU, sự tham gia của trí tuệ nhân tạo không tự động loại trừ quyền của con người đối với sản phẩm đầu ra. Quyền sở hữu trí tuệ vẫn có thể được xác lập nếu con người giữ vai trò điều khiển và có mức độ kiểm soát đáng kể đối với quá trình và kết quả sáng tạo hoặc phát minh. Tuy nhiên, việc xác định “mức độ kiểm soát đủ” của con người đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt

do tính phức tạp kỹ thuật và cơ chế vận hành khó giải thích của các hệ thống trí tuệ nhân tạo hiện đại. Vấn đề càng phức tạp khi nhiều chủ thể khác nhau cùng có thể đưa ra yêu sách về quyền sở hữu, bao gồm: lập trình viên, nhà thiết kế, nhà sản xuất, người huấn luyện, nhà đầu tư, chủ sở hữu hệ thống trí tuệ nhân tạo, chủ sở hữu dữ liệu huấn luyện, nhà xuất bản các tác phẩm, người sử dụng trí tuệ nhân tạo... và thậm chí cả Nhà nước.

Dưới góc độ quyền tác giả, pháp luật EU yêu cầu sản phẩm được bảo hộ phải thể hiện dấu ấn sáng tạo cá nhân của con người. Trong lĩnh vực sáng chế, tư cách nhà sáng chế chỉ phát sinh khi con người có đóng góp mang tính kỹ thuật và sáng tạo, vượt ra ngoài các yếu tố thuần túy tài chính hoặc hành chính, thể hiện qua thiết kế hệ thống, lựa chọn dữ liệu, điều chỉnh thuật toán hoặc quyết định đầu ra. Tuy nhiên, cho đến nay, pháp luật EU chưa xây dựng một cơ chế riêng biệt để giải quyết toàn diện vấn đề quyền sở hữu đối với sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra.

Trong thực tiễn, khoảng trống này chủ yếu được xử lý thông qua các thỏa thuận hợp đồng, dù cách tiếp cận này tiềm ẩn nguy cơ bất cân xứng trong phân bổ lợi ích. Ngoài ra, các quy định trong Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của EU có tác động hỗ trợ đối với pháp luật sở hữu trí tuệ. *Thứ nhất*, các nhà cung cấp và triển khai trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm thông báo rõ ràng khi nội dung được tạo ra hoặc bị tác động đáng kể bởi trí tuệ nhân tạo. Điều này giúp làm rõ liệu một tác phẩm hoặc giải pháp kỹ thuật có được hình thành hoàn toàn bởi con người, do trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hay do trí tuệ nhân tạo tạo sinh, từ đó hỗ trợ việc xác định tư cách tác giả, nhà sáng chế và chủ thể quyền. *Thứ hai*, Đạo luật

Trí tuệ nhân tạo yêu cầu lưu giữ thông tin về dữ liệu huấn luyện, mục đích sử dụng, thông số chính và cách thức triển khai hệ thống trí tuệ nhân tạo. Đây là yếu tố then chốt trong pháp luật sở hữu trí tuệ EU khi xem xét liệu “dấu ấn cá nhân” trong quyền tác giả hoặc đóng góp sáng tạo mang tính kỹ thuật trong sáng chế có thực sự tồn tại hay không. *Thứ ba*, hệ thống trí tuệ nhân tạo phải tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt hơn về giám sát con người, quản lý dữ liệu và kiểm soát vận hành. Những yêu cầu này góp phần củng cố vai trò trung tâm của con người trong quá trình sử dụng trí tuệ nhân tạo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho con người đối với các sản phẩm có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo. *Thứ tư*, các nghĩa vụ minh bạch theo Đạo luật Trí tuệ nhân tạo có thể góp phần hạn chế tình trạng che giấu sự tham gia của trí tuệ nhân tạo. Việc không công bố sự can thiệp của trí tuệ nhân tạo có thể dẫn đến vi phạm nghĩa vụ pháp lý, động cơ đưa ra các tuyên bố sai lệch về tư cách tác giả hoặc nhà sáng chế sẽ bị giảm thiểu. Điều này giúp bảo vệ tính trung thực và ổn định của hệ thống sở hữu trí tuệ.

4. Gợi mở và hàm ý chính sách cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm thực tiễn của EU, có thể rút ra một số gợi mở và hàm ý hoàn thiện chính sách pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam trong bối cảnh Quốc hội đã thông qua Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi ngày 10/12/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/4/2026. Cụ thể:

Thứ nhất, Việt Nam cần tiếp tục kiên định nguyên tắc lấy con người làm trung tâm trong việc xác lập quyền tác giả và quyền sáng chế, theo đó chỉ bảo hộ các sản phẩm phản ánh sự can thiệp sáng tạo hoặc

đóng góp kỹ thuật đáng kể của con người, đồng thời không công nhận trí tuệ nhân tạo là chủ thể quyền. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm tính nhất quán của hệ thống pháp luật hiện hành, vốn được xây dựng trên nền tảng nhân cách pháp lý của con người.

Thứ hai, kinh nghiệm EU cho thấy sự cần thiết phải làm rõ ranh giới pháp lý giữa sản phẩm do trí tuệ nhân tạo hỗ trợ và sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra hoàn toàn. Đối với Việt Nam, việc bổ sung hướng dẫn, giải thích hoặc tiêu chí đánh giá mức độ can thiệp và kiểm soát của con người trong quá trình sáng tạo và đổi mới là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc xác định tư cách tác giả, nhà sáng chế và chủ thể quyền, đồng thời hạn chế tranh chấp trong thực tiễn.

Thứ ba, Việt Nam có thể tham khảo cách tiếp cận linh hoạt của EU trong lĩnh vực sáng chế, không bảo hộ trí tuệ nhân tạo như một ý tưởng trừu tượng, nhưng sẵn sàng bảo hộ các ứng dụng kỹ thuật cụ thể của trí tuệ nhân tạo nếu đáp ứng các điều kiện về tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Cách tiếp cận này vừa thúc đẩy đổi mới công nghệ, vừa tránh việc mở rộng bảo hộ quá mức đối với các thuật toán hoặc phương pháp toán học thuần túy.

Thứ tư, trước những khó khăn trong việc phân bổ quyền sở hữu đối với sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra, Việt Nam cần thận trọng với các đề xuất mở rộng chủ thể quyền hoặc thiết lập các cơ chế bảo hộ mới có thể làm phân mảnh quyền sở hữu. Trong ngắn hạn, việc thừa nhận vai trò của các thỏa thuận hợp đồng trong phân bổ quyền là cần thiết, song về dài hạn cần có định hướng chính sách nhằm hạn chế bất cân xứng về vị thế đàm phán và bảo vệ lợi ích công cộng.

5. Kết luận

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo đang đặt ra những thách thức căn bản đối với hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ truyền thống, vốn được xây dựng trên nền tảng lấy con người làm trung tâm. Qua việc phân tích cách tiếp cận của EU trong bảo hộ các đổi mới liên quan đến công nghệ trí tuệ nhân tạo thông qua pháp luật quyền tác giả và pháp luật sáng chế, bài viết cho thấy EU lựa chọn hướng tiếp cận thận trọng và linh hoạt: không thừa nhận trí tuệ nhân tạo là chủ thể quyền, nhưng vẫn tạo hành lang pháp lý để bảo hộ các kết quả sáng tạo và đổi mới có sự can thiệp đáng kể của con người cũng như các ứng dụng kỹ thuật cụ thể của trí tuệ nhân tạo. Bên cạnh đó, các yêu cầu về minh bạch và quản trị rủi ro theo Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của EU được kỳ vọng đóng vai trò hỗ trợ quan trọng cho pháp luật sở hữu trí tuệ trong việc làm rõ vai trò của trí tuệ nhân tạo và con người trong quá trình sáng tạo. Những kinh nghiệm này gợi mở cho Việt Nam định hướng hoàn thiện khung pháp lý sở hữu trí tuệ theo hướng vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo dựa trên trí tuệ nhân tạo, vừa bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa lợi ích của chủ thể quyền, các nhà phát triển công nghệ và lợi ích công cộng trong kỷ nguyên số □

Tài liệu tham khảo

- Abbott, R. (2016). I think, therefore I invent: Creative computers and the future of patent law. *Boston College Law Review*, 57 (4), 1079-1126.
- Bently, L. & Sherman, B. (2022). *Intellectual property law*. Oxford University Press.
- Court of Justice of the European Union. (2009). *Infopaq international A/S v*

- Danske Dagblades forening* (Case C-5/08). European Union: C:2009: 465.
- Court of Justice of the European Union. (2011). *Painer v Standard Verlags GmbH* (Case C-145/10). European Union: C:2011: 798.
- European Commission. (2020). *White paper on Artificial intelligence - A European approach to excellence and trust*. COM (2020) 65 final. https://commission.europa.eu/document/download/d2ec4039-c5be-423a-81ef-b9e44e79825b_en?filename=commission-white-paper-artificial-intelligence-feb2020_en.pdf
- European Parliament. (2019). *Artificial intelligence ante portas: Legal & ethical reflections*. <https://www.europarl.europa.eu/at-your-service/files/be-heard/religious-and-non-confessional-dialogue/events/en-20190319-artificial-intelligence-ante-portas.pdf>
- European Patent Office. (2025). *Patent Index 2024*. <https://www.epo.org/en/about-us/statistics/patent-index-2024>
- European Patent Organisation. (2019). *European Patent Convention*. European Patent Office, Munich. <https://www.epo.org>
- European Union. (2024). *Regulation of the European Parliament and of the Council on Artificial intelligence (Artificial Intelligence Act)*.
- McCarthy, J. (1956). *Dartmouth summer research project on Artificial intelligence*. Dartmouth College.
- Shemtov, N. (2019). *A study on inventorship in inventions involving Artificial intelligence activity*. European Patent Office.
- Russell, S. & Norvig, P. (2021). *Artificial intelligence: A modern approach* (4th ed.). Pearson.
- Vanherpe, J. (2025). Artificial intelligence and intellectual property law, in: Smuha, N.A. (ed, 2025). *Artificial intelligence, law and policy*. Cambridge University Press.
- WIPO. (2019). *WIPO Technology trends 2019: Artificial intelligence*. World Intellectual Property Organization. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_1055.pdf